

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 19 - 5 - 2021.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vi Quốc Thanh.

Ông Nguyễn Văn Vũ.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 19 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 344/2020/TLST-HNGĐ, ngày 04/11/2020 về việc “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02/4/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị Đ, sinh năm 1984 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Anh Huỳnh Đức T, sinh năm 1984 (vắng mặt không lý do).

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 30/10/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Dương Thị Đ trình bày: Chị và anh Huỳnh Đức T kết hôn do mai mối, tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 16/8/2016. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc khoảng 01 tháng thì phát sinh mâu thuẫn do anh T hay ghen tuông vô cớ, xúc phạm danh dự của chị, đến năm 2017 thì ly thân cho đến nay không thể hàn gắn được. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh T. Con chung, tài sản chung và nợ chung không có.

Bị đơn anh Huỳnh Đức T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân; bị đơn anh Huỳnh Đức T có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc. Nguyên đơn chị Dương Thị Đ có yêu cầu xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Huỳnh Đức T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do nên căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa Đ và anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng anh chị kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 16/8/2016, việc kết hôn tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc trong thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly thân, theo như chị Đ trình bày là do anh T hay ghen tuông, xúc phạm danh dự của chị dẫn đến vợ chồng ly thân không thể hàn gắn được, đối với anh T trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh đến Tòa án để tham gia hòa giải, mục đích hòa giải để anh chị hàn gắn tình cảm với nhau nhưng anh T không tham gia các phiên hòa giải, đồng thời cũng không tham gia phiên tòa xét xử vụ án, điều đó chứng tỏ anh có ý thức bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị Đ. Do đó có căn cứ để xác định quan hệ hôn nhân của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị Đ là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Đ trình bày chị và anh T không có con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T cũng không có ý kiến về vấn đề con chung nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xác định là giữa anh T và chị Đ có con chung hay không nên không xem xét giải quyết.

[4] Về chia tài sản khi ly hôn: Chị Đ trình bày chị và anh T không có tài sản chung và nợ chung. Anh T không có ý kiến hay yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để xác định anh chị có tài sản chung và nợ chung hay không nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này anh chị hoặc các bên liên quan có tranh chấp thì có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] Về nghĩa vụ nộp án phí: Chị Đ phải nộp án phí ly hôn theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị Đ.

Chị Dương Thị Đ được ly hôn với anh Huỳnh Đức T.

[2] Về con chung: Không xem xét giải quyết.

[3] Về chia tài sản khi ly hôn: Không xem xét giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ nộp án phí: Án phí ly hôn chị Dương Thị Đ phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 000xxxx, ngày 04/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre nên không phải nộp thêm.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre
(Phòng KTNV và THA) (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- UBND xã T, huyện M,
tỉnh Bến Tre (ĐKKH số xx, ngày 16/8/2016) (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Thiện